

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-8-2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Thức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: La Văn Việt
2. Ông: Nguyễn Chí Lin

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 01/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 747 /2020/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng N, sinh 1979
  2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1979;
- Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.  
Các đương sự có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 07/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án ông Lê Hoàng N, trình bày:

Ông và bà Kim Lan chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hựu Thạnh, Đức Hòa, Long An. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm; nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông xin ly hôn với bà Kim Lan.

Về con chung: Ông N khai ông và bà Kim Lan có 02 con chung là các cháu Lê Trương Nguyễn Hạ, sinh năm 2004 và Lê Việt Bắc, sinh năm 2007. Hiện con chung đang sống với bà L. Khi ly hôn, nếu con có nguyện vọng sống với ai thì đó nuôi, con có nguyện vọng sống với mẹ thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N khai không có.

*Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:* Thống nhất với ý kiến và lời trình bày của ông N về thời gian, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản là đúng, nguyên nhân thuận thì không đúng vì bà cho rằng ông N có quan hệ với người phụ nữ khác nên không còn tình cảm với bà. Nay ông N xin ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Khi ly hôn, bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L thống nhất khai không có.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng đoàn tụ không thành và tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, ông N đồng ý giao con chung cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng.

Đối với bà Kim Lan: vẫn giữ nguyên yêu cầu mức cấp dưỡng mỗi con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ông Lê Hoàng N xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L, bà L hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung,*

[2.1] *Về hôn nhân:*

Ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị Kim L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, Đức Hòa, Long An, là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trước tòa, ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Bà Kim Lan cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của các đương sự thì tình cảm vợ chồng giữa ông N và bà L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên chấp nhận.

*[2.2] Về con chung:*

Ông N và bà L đều thống nhất khai có 02 con chung là các cháu Lê Trương Nguyễn Hạ, sinh năm 2004 và Lê Việt Bắc, sinh năm 2007; hiện con đang sống với bà L. Khi ly hôn, ông N đồng ý giao con chung cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; đối với bà L cũng đồng ý xin được quyền trực tiếp nuôi con chung. Tại các bản tự khai các cháu Hạ, Bắc đều có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn.

Do vậy, Hội đồng xét xử giao các cháu Lê Trương Nguyễn H và Lê Việt B cho bà L được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[2.3] Về mức cấp dưỡng.*

Ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà L thì yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 3.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, theo lời trình bày của bà L thì hiện bà đang làm công nhân, ông N có cửa hàng tạp hóa, có xe tải nhỏ để chuyên chở hàng hóa, có nguồn thu nhập cao hơn so với bà L. Hơn nữa, các cháu Hạ và cháu Bắc đều đang tuổi ăn học, chi phí cho việc học tập sinh hoạt của các cháu tốn kém. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với mức thu nhập thực tế của ông N.

*[2.4] Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[3]. Về án phí:* Ông Lê Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 147, 222, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 09, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng N

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Hoàng N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là các cháu Lê Trương Nguyễn H, sinh năm 2004 và Lê Việt B, sinh năm 2007 (hiện bà L đang nuôi dưỡng).

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Lê Hoàng N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án mà chậm thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Hoàng N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005831 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành. Ông Lê Hoàng N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

4. Án xử sơ thẩm, tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hựu Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Văn Công Thức**



